

NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2016 - 2023

● NGUYỄN ĐỨC THỌ¹ - VŨ KHÁNH LINH¹
- NGUYỄN THỊ BÌNH¹ - NGUYỄN MINH TRANG¹

¹Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

DOI: <https://doi.org/10.62831/202508034>

TÓM TẮT:

Bài viết phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của 21 ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam trong giai đoạn 2016 - 2023, sử dụng mô hình bình phương nhỏ nhất (OLS), mô hình hiệu ứng cố định (FEM), mô hình hiệu ứng ngẫu nhiên (REM) và phương pháp bình phương tối thiểu tổng quát (GLS). Kết quả nghiên cứu cho thấy, 2 biến lợi nhuận trước thuế và tỷ lệ nợ xấu tác động cùng chiều với ROA; 5 biến quy mô ngân hàng, tổng sản phẩm quốc nội, hệ số đòn bẩy tài chính, tuổi đời của ngân hàng, tỷ lệ lạm phát có tác động ngược chiều với ROA. Đối với ROE, 3 biến quy mô ngân hàng, tuổi đời ngân hàng, tỷ lệ dư nợ tín dụng có tác động cùng chiều; 5 biến tỷ lệ nợ xấu, tổng sản phẩm quốc nội, hệ số đòn bẩy tài chính, hệ số huy động vốn trên tổng tài sản, tỷ lệ lạm phát có tác động ngược chiều.

Từ khóa: hiệu quả hoạt động, ngân hàng thương mại, ngân hàng, hệ thống ngân hàng.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế và sự phát triển không ngừng của công nghệ số, hệ thống NHTM Việt Nam có cơ hội tiếp cận công nghệ hiện đại nhưng cũng đối mặt với áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng. Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2024), thị trường tài chính có khoảng 60 tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động, trong đó 9 ngân hàng có 100% vốn nước ngoài. Điều này đặt ra thách thức lớn đối với các NHTM trong nước về tiềm lực tài chính, năng lực quản lý và

chiến lược kinh doanh. Nếu không nâng cao hiệu quả hoạt động, NHTM có thể bị đào thải. Do đó, nghiên cứu “Một số yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các NHTM Việt Nam” là cần thiết, nhằm đề xuất giải pháp giúp các ngân hàng thích ứng với môi trường kinh doanh ngày càng biến động.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp dưới dạng dữ liệu bảng thu được từ báo cáo tài chính, báo

cáo thường niên của 21 NHTM niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2016 đến 2023 để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động. Theo đó, các thông tin về: lợi nhuận trước thuế, ROA, ROE, số lượng chi nhánh, số năm hoạt động, hệ số đòn bẩy tài chính,... được thu thập tại báo cáo thường niên, báo cáo tài chính của các NHTM trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2023, tại website: <https://finance.vietstock.vn/> hoặc trang web của các NHTM. Tổng cộng thu được 168 mẫu quan sát từ dữ liệu thứ cấp.

2.2. Mô hình nghiên cứu (Bảng 1, Bảng 2)

Kế thừa và phát triển các mô hình nghiên cứu trước đó cả trong và ngoài nước (Hằng và nnk., 2024, Loan, 2015, Hoàng và nnk., 2016, Anas và Younes, 2023, Nicholas và Winnie, 2023), nhóm tác giả đã xây dựng hai mô hình nghiên cứu về ROA và ROE dưới đây để đo lường tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của ngân hàng:

+ *Biến phụ thuộc:*

ROA_{it} được tính bằng Lợi nhuận sau thuế trong năm t trên giá trị Tổng tài sản của NH i cuối năm t và ROE_{it} được tính bằng Lợi nhuận sau thuế trong năm t trên giá trị Vốn chủ sở hữu của NH i cuối năm t.

+ *Biến độc lập:*

EBTi: lợi nhuận trước thuế của NH i cuối năm t;

SIZEi (S): quy mô tổng tài sản của NH i cuối năm t;

BRANCHi (BR): tổng số chi nhánh của NH i cuối năm t;

LEVi (LE): hệ số đòn bẩy tài chính (VCSH/Tổng Tài sản) của NH i;

AGEi (A): số năm hoạt động tính từ thời điểm thành lập đến năm t của NH i;

LDRi (LD): tỷ lệ dư nợ tín dụng trên số vốn huy động của NH i trong năm t;

RPAi (HT): hệ số huy động vốn trên tổng tài sản của NH i trong năm t;

NPLi (N): tỷ lệ nợ xấu của NH i trong năm t;

INFi (I): tỷ lệ lạm phát tại Việt Nam trong năm t;

GDPI (G): tổng sản phẩm quốc nội tại Việt Nam trong năm t

Để kiểm tra tác động của các nhân tố này đến khả năng sinh lời của các doanh nghiệp, bài nghiên cứu sử dụng 2 mô hình hồi quy sau:

Mô hình 1: ROA là biến phụ thuộc

$$ROA_{it} = \beta_0 + \beta_1 EBT_{it} + \beta_2 Sit + \beta_3 BR_{it} + \beta_4 LE_{it} + \beta_5 A_{it} + \beta_6 LD_{it} + \beta_7 HT_{it} + \beta_8 N_{it} + \beta_9 I_{it} + \beta_{10} G_{it} + \mu_i \quad (1)$$

Mô hình 2: ROE là biến phụ thuộc

$$ROE_{it} = \beta_0 + \beta_1 EBT_{it} + \beta_2 Sit + \beta_3 BR_{it} + \beta_4 LE_{it} + \beta_5 A_{it} + \beta_6 LD_{it} + \beta_7 HT_{it} + \beta_8 N_{it} + \beta_9 I_{it} + \beta_{10} G_{it} + \mu_i \quad (2)$$

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng mô hình OLS, FEM, REM và phương pháp bình phương tối thiểu tổng quát FGLS để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của 21 NHTM niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2016 - 2023, với dữ liệu bảng gồm 168 quan sát từ báo cáo tài chính đã kiểm toán. Sau khi thực hiện phân tích thống kê mô tả, nhóm tác giả lựa chọn mô hình phù hợp, bao gồm mô hình bình phương

Bảng 1. Đo lường biến phụ thuộc

STT	Ký hiệu	Ý nghĩa	Cách đo lường
1	ROA	Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản	Lợi nhuận sau thuế chia tổng tài sản bình quân
2	ROE	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chia vốn chủ sở hữu bình quân

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

Bảng 2. Đo lường biến độc lập

Giả thuyết	Ký hiệu	Ý nghĩa	Cách đo lường
H1	EBT	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận trước thuế TNDN
H2	S (Size)	Quy mô ngân hàng	Tổng tài sản cuối kỳ
H3	BR (Branch)	Số lượng chi nhánh	Số lượng chi nhánh trong năm
H4	LE (LEV)	Hệ số đòn bẩy tài chính	Vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản
H5	A (Age)	Tuổi đời ngân hàng	Số năm hoạt động tính từ năm thành lập
H6	LD (LDR)	Tỷ lệ dư nợ tín dụng	Tổng dư nợ tín dụng/Huy động vốn từ tiền gửi
H7	HT	Hệ số huy động vốn trên tổng tài sản	Huy động vốn từ tiền gửi/Tổng tài sản
H8	N (NPL)	Tỷ lệ nợ xấu	Tổng dư nợ thuộc nhóm 3, 4, 5/Tổng dư nợ tín dụng
H9	I (INF)	Tỷ lệ lạm phát	Chênh lệch chỉ số giá tiêu dùng năm nay và năm trước/Chỉ số giá tiêu dùng năm trước
H10	G (GDP)	Tổng sản phẩm quốc nội	Tổng (Giá trị sản xuất - Chi phí trung gian)

nhỏ nhất (Pool OLS), mô hình tác động cố định (FEM) và mô hình tác động ngẫu nhiên (REM). Nếu mô hình được chọn xuất hiện khuyết tật, phương pháp FGLS sẽ được triển khai để đảm bảo tính chính xác của ước lượng.

3. Kết quả nghiên cứu

Từ Bảng thống kê mô tả, có thể thấy tỷ lệ nợ xấu của các NHTM Việt Nam giai đoạn 2016 - 2023 duy trì ở mức thấp, trung bình 1,758% và cao nhất 6,912%. Các NHTM mở rộng quy mô thông qua việc gia tăng chi nhánh, phòng giao dịch, với giá trị trung bình 116,09 số lượng chi nhánh trong mẫu cụ thể, dao động trong khoảng từ 20 đến 566. Quy mô tài sản từ mức nhỏ nhất đến cao nhất của mẫu từ 7,48 đến 9,36. Tất cả 21 NHTM đều sử dụng đòn bẩy tài chính (LEV) từ mức thấp nhất đến mức cao nhất trong mẫu khoảng 0,04 - 0,17 để tối ưu hóa nguồn vốn. Tỷ lệ huy động vốn trên tổng tài sản tương đối cao, trung bình 66,85%. Tỷ suất lợi nhuận trên

vốn chủ sở hữu (ROE) và tổng tài sản (ROA) lần lượt đạt trung bình 15,19% và 2,31%. Lạm phát duy trì ở mức thấp, trung bình 3,49%, phản ánh môi trường kinh tế ổn định. (Bảng 3)

Mô hình 1 (ROA):

Kiểm định kết luận cho mô hình hồi quy là phù hợp với (p-value=0,000< 0,05) chứng tỏ các yếu tố có tác động đến hiệu quả kinh doanh. Cụ thể như sau:

Bảng 3. Tổng quan về các biến sử dụng trong mô hình

. sum ROA ROE EBT S BR LE A LD HT N I G					
Variable	Obs	Mean	Std. dev.	Min	Max
ROA	168	.0231671	.0905596	.0004986	1.181119
ROE	168	.1519536	.071462	.0040029	.3033156
EBT	168	8078291	1.89e+07	45254	2.31e+08
S	168	8.439821	.4097809	7.483602	9.361882
BR	168	116.0952	113.7996	20	566
LE	168	.0832341	.0276686	.0406177	.1711467
A	168	28.5	11.49069	8	66
LD	168	.9628962	.1501887	.6098423	1.469094
HT	168	.668534	.1047349	.4417845	.8951633
N	168	.017586	.0098511	.0046669	.0691208
I	168	.0349875	.013032	.0184	.0666
G	168	15.78652	.0997105	15.65347	16.00953

Nguồn: Dữ liệu tổng hợp từ phần mềm STATA

Trong 10 biến độc lập được đưa vào mô hình, có 7 biến có tác động đến ROA: 4 biến có ý nghĩa thống kê ở mức 1% là lợi nhuận trước thuế, quy mô ngân hàng, tỷ lệ nợ xấu, tổng sản phẩm quốc nội, 2 biến có ý nghĩa thống kê ở mức 10% là hệ số đòn bẩy tài chính và tuổi đời của ngân hàng, 1 biến có ý nghĩa thống kê ở mức 5% là tỷ lệ lạm phát. (Bảng 4)

Trong đó, 2 biến lợi nhuận trước thuế và tỷ lệ nợ xấu tác động cùng chiều với ROA với mức độ tác động giảm dần; 5 biến quy mô ngân hàng, tổng sản phẩm quốc nội, hệ số đòn bẩy tài chính, tuổi đời của ngân hàng, tỷ lệ lạm phát có tác động ngược chiều với ROA. Như vậy, giả thuyết H1, H2, H4, H5, H8, H9, H10 được chấp nhận, các giả thuyết còn lại bác bỏ.

Mô hình 2 (ROE):

Bảng tổng hợp kết quả 5 lựa chọn mô hình GLS vì đã khắc phục được khuyết tật của mô hình

REM và các biến có tác động đến hiệu quả kinh doanh và mô hình REM sau khi kiểm định Breusch and Pagan Lagrangian có hiện tượng phương sai thay đổi và mô hình GLS đã giúp điều chỉnh và cho kết quả chính xác hơn. Cụ thể như sau:

Trong 10 biến độc lập được đưa vào mô hình, có 8 biến có tác động đến hiệu quả kinh doanh: 5 biến có ý nghĩa thống kê ở mức 1% là quy mô ngân hàng, tỷ lệ nợ xấu, hệ số đòn bẩy tài chính, hệ số huy động vốn trên tổng tài sản, tỷ lệ lạm phát, 1 biến có ý nghĩa thống kê ở mức 10% là tuổi đời của ngân hàng, 2 biến có ý nghĩa thống kê ở mức 5% là tỷ lệ dư nợ tín dụng và tổng sản phẩm quốc nội.

Trong đó, 3 biến quy mô ngân hàng, tuổi đời ngân hàng, tỷ lệ dư nợ tín dụng tác động cùng chiều với ROE; 5 biến tỷ lệ nợ xấu, tổng sản phẩm quốc nội, hệ số đòn bẩy tài chính, hệ số huy động

Bảng 4. Tổng hợp kết quả

	(1) ROA	(2) ROA	(3) ROA	(4) ROA
EBT	4.96e-09*** [64.45]	5.00e-09*** [68.55]	4.98e-09*** [70.42]	5.11e-09*** [343.53]
S	-0.0539*** [-10.34]	-0.0117 [-0.44]	-0.0528*** [-6.17]	-0.0347*** [-10.12]
BR	0.00000554 [0.41]	0.0000235 [0.72]	0.00000734 [0.36]	0.00000278 [0.86]
LE	-0.191*** [-3.32]	-0.205** [-2.13]	-0.206*** [-2.81]	-0.121*** [-6.27]
A	-0.00065*** [-4.03]	-0.00429* [-1.88]	-0.000717** [-2.43]	-0.0000142 [-0.13]
LD	0.0128 [0.97]	0.0217 [1.04]	0.0147 [0.92]	0.00564* [1.78]
HT	0.00760 [0.41]	0.0252 [0.64]	0.00551 [0.21]	0.00476 [1.05]
N	0.510*** [3.44]	0.257 [1.32]	0.391** [2.35]	-0.0201 [-0.50]
I	-0.268** [-2.17]	-0.245* [-1.88]	-0.238** [-2.11]	-0.0380** [-2.12]
G	-0.0482*** [-2.90]	-0.0297 [-0.95]	-0.0473*** [-2.89]	-0.0138*** [-3.67]
_cons	1.216*** [4.72]	0.653 [1.35]	1.195*** [4.92]	0.504*** [10.07]
N	168	168	168	168
R-sq	0.965	0.973		

t statistics in brackets
* p<0.1, ** p<0.05, *** p<0.01

(1): Mô hình OLS, (2): Mô hình FRM,
(3): Mô hình REM, (4): Mô hình GLS

Nguồn: Dữ liệu tổng hợp từ phần mềm STATA

Bảng 5. Tổng hợp kết quả

	(1) ROE	(2) ROE	(3) ROE	(4) ROE
EBT	1.43e-11 [0.06]	1.51e-10 [0.80]	1.39e-10 [0.73]	-1.01e-11 [-0.09]
S	0.0723*** [4.42]	0.102 [1.48]	0.0965*** [3.16]	0.114*** [6.19]
BR	0.0000224 [0.53]	-0.0000976 [-1.17]	-0.0000411 [-0.62]	-0.0000304 [-0.70]
LE	-0.0405 [-0.22]	-1.049*** [-4.22]	-0.586*** [-2.69]	0.0895 [0.44]
A	-0.000821 [-1.59]	0.00977* [1.66]	-0.00141 [-1.24]	-0.00163*** [-2.60]
LD	0.0773* [1.87]	0.111** [2.05]	0.0859* [1.81]	0.0568 [1.52]
HT	-0.185*** [-3.15]	-0.0172 [-0.17]	-0.130 [-1.63]	-0.165*** [-2.86]
N	-1.762*** [-3.79]	-1.238** [-2.47]	-1.453*** [-3.07]	-1.408*** [-3.90]
I	-0.927** [-2.39]	-0.562* [-1.67]	-0.964*** [-3.16]	-0.396** [-1.98]
G	-0.0171 [-0.33]	-0.168** [-2.10]	0.00383 [0.08]	-0.00310 [-0.09]
_cons	-0.0510 [-0.06]	1.716 [1.38]	-0.567 [-0.83]	-0.637 [-1.25]
N	168	168	168	168
R-sq	0.453	0.486		

t statistics in brackets
* p<0.1, ** p<0.05, *** p<0.01

(1): Mô hình OLS, (2): Mô hình FRM,
(3): Mô hình REM, (4): Mô hình GLS

Nguồn: Dữ liệu tổng hợp từ phần mềm STATA

vốn trên tổng tài sản, tỷ lệ lạm phát có tác động ngược chiều với ROE. Như vậy, giả thuyết H2, H4, H5, H6, H7, H8, H9, H10 được chấp nhận, các giả thuyết còn lại bác bỏ.

4. Kết luận

Thông qua kết quả các mô hình nghiên cứu cho thấy, ngân hàng sở hữu quy mô tài sản càng lớn sẽ gia tăng hiệu quả hoạt động, khả năng mở rộng kinh doanh mạnh hơn, sức chống chịu rủi ro thị trường cao hơn. Đặc biệt, năm 2020, đại dịch Covid-19 có tác động sâu sắc với chiều hướng tiêu cực với thị trường ngân hàng, minh chứng rõ nét cho lợi thế này.

Không chỉ vậy, tỷ lệ dư nợ tín dụng có mối quan hệ thuận chiều với ROE, tỷ lệ này càng lớn thì chỉ số ROE càng cao. Có nghĩa, tăng trưởng vượt trội so với huy động vốn gia tăng biên lợi nhuận thuần, thúc đẩy hiệu quả hoạt động và nâng cao ROE. Do đó, chiến lược cho vay tích cực, nếu được quản lý rủi ro hiệu quả, sẽ tối đa hóa lợi nhuận ngân hàng.

Hiệu quả hoạt động ngân hàng chịu tác động

tiêu cực từ GDP, lạm phát và hệ số đòn bẩy tài chính. GDP và lạm phát gia tăng dẫn đến giảm hiệu quả hoạt động do chi phí vốn tăng, làm suy giảm lợi nhuận từ lãi, kéo theo ROE và ROA giảm. Ngược lại, hệ số đòn bẩy tài chính thấp thúc đẩy hiệu quả hoạt động. Thực tế này phản ánh khẩu vị rủi ro cao của các ngân hàng, ưu tiên sử dụng vốn vay để mở rộng kinh doanh, chấp nhận tỷ lệ đòn bẩy thấp để tối đa hóa lợi nhuận. Tăng trưởng kinh tế và lạm phát cao gây áp lực lên biên lợi nhuận, trong khi quản lý rủi ro kém hiệu quả dẫn đến giảm hiệu quả hoạt động.

Kết quả phân tích cho thấy, quy mô tài sản (SIZE), tỷ lệ dư nợ tín dụng (LDR) và hệ số đòn bẩy tài chính (LEV) có tác động đến hiệu quả hoạt động của các NHTM và có ý nghĩa thống kê. Để nâng cao hiệu quả hoạt động, nhóm nghiên cứu đề nghị các NHTM Việt Nam: (i) mở rộng quy mô tài sản; (ii) gia tăng tín dụng, thúc đẩy lợi nhuận từ chênh lệch lãi suất; (iii) duy trì hệ số đòn bẩy tài chính ở mức an toàn, đảm bảo thanh khoản và hoạt động ổn định ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Hằng Đ.M., Yến. P.T.H., Nhân. Đ.T.T. (2024). Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ. Truy cập tại <https://thitruongtaichinhliente.vn/cac-nhan-to-anh-huong-den-hieu-qua-hoat-dong-cua-cac-ngan-hang-thuong-mai-viet-nam-58652.html>

Hoàng. L.Đ., Thông. P.H., Hùng. Đ.Q. (2016). Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Tạp chí Kinh tế và Phát triển, 225(II), 2-9.

Loan. N.T. (2015). Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động tại ngân hàng thương mại Việt Nam. Tạp chí Khoa học và Đào tạo ngân hàng, 161(10), 52-60

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2024). Danh sách ngân hàng 100% vốn nước ngoài (Đến hết ngày 30/09/2024). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Truy cập tại https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/m/menu/fm/htctctd/nh/nhtm/nhvn?centerWidth=100%25&leftWidth=&_afLoop=16332065512489755#%40%3F_afLoop%3D16332065512489755%26centerWidth%3D100%2525%26leftWidth%3D%26leftWidth%3D0%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFoot

Nicholas N. M., & Winnie N. (2023). Factors affecting financial performance of commercial banks in Kenya. Journal of Finance and Accounting, 7(1), 100-115. <https://doi.org/10.53819/81018102t2122>.

Anas A. & Younes L. (2023). Bank performance determinants: State of the art and future research avenues. New challenge in Accounting and Finance, 9, 26-41. <https://doi.org/10.32038/NCAF.2023.09.03>.

Ngày nhận bài: 7/1/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 21/1/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 9/2/2025

DETERMINANTS OF THE PERFORMANCE OF VIETNAMESE COMMERCIAL BANKS: EVIDENCE FROM 2016 TO 2023

- NGUYEN DUC THO¹
- VU KHANH LINH¹
- NGUYEN THI BINH¹
- NGUYEN MINH TRANG¹

¹Vietnam Maritime University

ABSTRACT:

This study investigates the factors influencing the performance of 21 Vietnamese commercial banks from 2016 to 2023, employing multiple econometric models including Ordinary Least Squares (OLS), Fixed Effects Model (FEM), Random Effects Model (REM), and Generalized Least Squares (GLS). Bank performance is measured using Return on Assets (ROA) and Return on Equity (ROE). The results reveal that pre-tax profit and the non-performing loan ratio positively affect ROA, while bank size, GDP growth, financial leverage, bank age, and inflation exert negative effects. In terms of ROE, bank size, bank age, and the credit outstanding ratio are found to have a positive impact, whereas the non-performing loan ratio, GDP growth, financial leverage, capital mobilization to total assets ratio, and inflation rate show negative correlations. These findings offer insights into how both internal and macroeconomic factors influence bank profitability in Vietnam.

Keywords: operational efficiency, commercial bank, bank, banking system.